

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2016 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu nhà và hủy hợp đồng tặng cho tài sản, đòi tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ông **Trần H**; sinh năm 1934.

Trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Huỳnh Đình T**, sinh năm 1977.

Trú tại: 309A Chung cư Xóm Cải, đường Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 11/10/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn Khắc Thành Đ** - Công ty Luật TNHH MTV An Thành Sài Gòn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Căn A3 04A.19 chung cư The Gold View, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông **Trần Kiến N**; sinh năm 1964.

Trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Đường I, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Trần Thị Thanh T1**; sinh năm 1956.

Trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Trần Hương T2**; sinh ngày 1960.

Trú tại: USA;

Người đại diện hợp pháp của bà Hương T2:

Bà **Trần Thị Thanh T1**, sinh năm 1956.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 8/6/2016).

3/ Ông **Trần N1**; sinh năm 1962.

Trú tại: Đường O, phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà **Trần Bích T3**; sinh năm 1963.

Trú tại: Đường S, Phường X, Quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông **Trần Hưng N2**; sinh năm 1967.

Trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Ông **Trần Trọng N3**; sinh năm 1970.

Trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông **Đoàn Vĩnh U**, sinh năm 1993.

Trú tại: Đường S, Phường X, Quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà **Ngô Thị Tuyết V**, sinh năm 1972.

9/ Ông **Trần Phúc A**, sinh năm 2000.

10/ Bà **Phan Mỹ H1**, sinh năm 1974.

11/ Bà **Trần Phan Thiên P**, sinh năm 1999.

Cùng trú tại: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ **Phòng Công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh.**

Trụ sở: Đường Q1, Phường B1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Hà H2** – Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Kim T4**, sinh năm 1978.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 19/9/2016).

13/ Ông **Nguyễn Thành K**, sinh năm 1976.

Trú tại: Đường C1, Phường R1, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường C, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Công nhận ông Trần Kiến N là chủ sở hữu và chủ sử dụng hợp pháp của nhà đất số Đường C, Phường E, Quận G, TP.Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 21052/2001 do UBND TP.HCM cấp cho ông Trần H, bà Nguyễn Thị Kim C1 ngày 02/10/2001, cập nhật sang tên cho ông Trần Kiến N ngày 27/04/2007.

2.2. Ông Trần Kiến N có trách nhiệm giao cho ông Trần H số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Phương thức thực hiện như sau:

- Ngày 12/12/2018, ông Trần Kiến N giao cho ông Trần H số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Ông Trần H có trách nhiệm giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 21052/2001 do UBND TP.HCM cấp cho ông Trần H, bà Nguyễn Thị Kim C1 ngày 02/10/2001, cập nhật sang tên cho ông Trần Kiến N ngày 27/04/2007; bản chính Hợp đồng tặng cho nhà số 011044 ngày 11/4/2007 tại Phòng công chứng B cho ông Trần Kiến N.

Ông Trần H có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Thành K số tiền 52.000.000 (Năm mươi hai triệu) đồng vào ngày 12/12/2018.

- Ngày 15/01/2019, ông Trần Kiến N giao cho ông Trần H số tiền còn lại là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Các ông bà Trần H, ông Trần Hưng N2, bà Trần Thị Thanh T1, ông Nguyễn Thành K phải có trách nhiệm di dời đồ đạc và giao trả nhà cho ông Trần Kiến N ngay trong ngày 15/01/2019 sau khi đã nhận đủ số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí hòa giải thành là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng, mỗi bên phải nộp một nửa, cụ thể:

- Ông Trần H nộp 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng. Do ông H đã đủ 60 tuổi và có đơn xin được miễn nộp TUP, án phí nên ông H được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho ông Trần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AE/2011/02592 ngày 03/02/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Kiến N nộp 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng, sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0047025 ngày 27/06/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Kiến N phải nộp thêm số tiền án phí là 17.700.000 (Mười bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Các chi phí định giá, đo vẽ do nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Kim Dung**